| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN L**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2019
V/v ly hôn giữa chị P và anh K

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tạ Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan;

2. Ông Lê Ngọc Giới.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn***: Chị Lê Thị Bích P, sinh năm 1996 "vắng mặt"

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn***: Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1988 "vắng mặt"

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2019, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị Bích P trình bày:* Chị và anh Trịnh Văn K đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị về chung sống cùng anh K ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến 2017 xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình

và làm ăn kinh tế.Hai bên gia đình cũng đã hòa giA để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giA quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh K có 01 con chung là Trịnh Gia Bảo, sinh năm 2014. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giA quyết.

Do chị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX công bố lời khai của chị P.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2019, bị đơn anh Trịnh Văn K trình bày*: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị P trình bày là đúng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau nhưng anh không muốn ly hôn vì sợ con khổ. Nếu như chị P nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trịnh Gia Bảo, sinh năm 2014. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và hiện đang ở với chị P. Ly hôn chị P đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh cũng nhất trí.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giA quyết.

Do anh K vắng mặt nên HĐXX công bố lời khai của anh K.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giA quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị P chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh K đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị P được ly hôn anh K.

Về nuôi con chung: Giao cho chị P trực tiếp nuôi con chung Trịnh Gia Bảo, sinh năm 2014. Các đương sự không yêu cầu giA quyết về cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ các được sự không yêu cầu giA quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh K vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích P và anh Trịnh Văn K đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa chị P và anh K là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị P và anh K đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh K. Anh K cũng xác nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm vợ chồng và không còn chung sống cùng nhau nếu như chị P nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị P và anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị P được ly hôn anh K.

Về nuôi con chung: Chị P và anh K có 01 con chung là Trịnh Gia Bảo, sinh năm 2014. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và hiện đang ở với chị P. Ly hôn chị P đề nghị được nuôi con và có đủ điều kiện để nuôi con. Anh K cũng nhất trí để chị P nuôi con nên cần căn cứ các Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cho chị P tiếp tục nuôi con là phù hợp. Các đương sự không yêu cầu giA quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giA quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị P phA chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228; 238 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Bích P và anh Trịnh Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị P trực tiếp nuôi con Trịnh Gia Bảo, sinh năm 2014. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

2. Về án phí: Chị P phA chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003866 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Thủy**